

Bản án số: 90/2024/HS-PT

Ngày: 08-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài
Ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Thụ lý số: 69/2024/TLPT-HS ngày 25/4/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:** **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1981, tại Lâm Đồng; nơi ĐKKTT: Số B đường V, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế K; con bà Phạm Thị Thu H1; chồng: Lương Quang T, sinh năm: 1986 (đã ly hôn); có 02 con, lớn nhất, sinh năm: 2002, nhỏ nhất sinh năm: 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến của phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết H là nhân viên của Công ty TNHH X từ ngày 20/01/2019 theo Hợp đồng lao động số: 07/2019/HĐLĐ ngày 18/01/2019. Ngày 10/7/2021, H được điều động làm công nhân bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng P số 04 theo Quyết định số: 468/PLXLĐ-QĐ ngày 09/7/2021 của Công ty TNHH X.

Tại Công văn số: 192/PLXLĐ-KTTC ngày 27/3/2020 của Công ty TNHH X "*Quy định quản lý ca bán hàng và thu nộp tiền hàng tại cửa hàng*" kèm theo phụ lục giờ bán hàng tại các cửa hàng và Công văn số: 642/PLXLĐ-TCHC ngày 18/5/2023 của Công ty TNHH X "*Về việc quy định đối với Phụ trách ca*" quy định: Người phụ trách ca bán hàng có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được trong ca vào Ngân hàng hoặc nộp cho Cửa hàng trưởng hoặc cho ca bán hàng tiếp theo, việc nộp tiền tối thiểu 01 lần/ngày chậm nhất vào 15 giờ và đảm bảo số tiền nộp phải lớn hơn hoặc bằng tổng số tiền thu ca bán buổi sáng (bao gồm tiền bán hàng bằng tiền mặt, tiền thu nợ của khách hàng, tiền thu khác,...) và tiền tồn quỹ của ca trước bàn giao sang.

Cửa hàng P số 04 quy định: thời gian bán hàng là từ 5 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút hằng ngày; nhân viên được chia làm hai ca bán hàng: Ca từ 05 giờ 30 phút đến 13 giờ và ca từ 13 giờ đến 21 giờ 30 phút. Mỗi ca sẽ có ba nhân viên bán hàng, trong đó có một trưởng ca (người phụ trách ca), trưởng ca được cửa hàng trưởng phân công từ trước.

Ngày 01/8/2023, H được phân công làm phụ trách ca từ 5 giờ 30 đến 13 giờ, có nhiệm vụ nộp tiền về tài khoản của Công ty TNHH X, gồm tiền bán hàng của hai ca: Ca từ 13 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 31/7/2023 với số tiền 116.903.000đ và ca từ 05 giờ 30 phút đến 13 giờ ngày 01/8/2023 với số tiền 180.234.000đ và số tiền 17.000.000đ ca chiều ngày 01/8/2023, tổng số tiền là 314.137.000đ. H đã nhận đủ và ghi xác nhận vào "Sổ giao ca xăng dầu" với nội dung: "NNH 314.137", số tiền là 314.137.000đ, đây là số tiền mà H có trách nhiệm phải nộp về Công ty TNHH X trước 15 giờ ngày 01/8/2023. Tuy nhiên, H không nộp tiền về tài khoản Ngân hàng của Công ty TNHH X mà chiếm đoạt số tiền 194.000.000đ để nạp vào tài khoản 0561000554497 của cá nhân tại Ngân hàng V rồi chuyển sáu lần tiền vào số tài khoản 2688123456 của Công ty TNHH L tại ngân hàng M với tổng số tiền 187.707.438đ nhằm tham gia mua bán trên mạng, số tiền 6.292.562đ còn lại H sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, H báo với Cửa hàng là bị cướp số tiền 194.000.000đ, hiện chỉ còn 120.137.000đ nên Cửa hàng P số 04 trình báo Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: số tiền 120.137.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng số IMEL 35553780702544579 kèm số điện thoại 0902384938, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro số IMEL1: 863980045040473; số IMEL 2: 863980045040465, đã qua sử dụng; 01 sổ giao ca xăng dầu; 01 bảng phân công ca bán hàng; 01 phụ lục Hợp đồng lao động; 01 ảnh chụp chi tiết giao dịch chuyển khoản Ngân hàng.

Bị hại Công ty TNHH X xác định H đã bồi thường số tiền 194.000.000đ cho Công ty. Công ty TNHH X xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số: 65/CT-VKS ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H về tội: "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS 2015).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phạm tội "Tham ô tài sản"

Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/3/2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử đối với bị cáo, không bị oan, không khiếu nại hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và giữ nguyên kháng cáo, không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*sau đây viết là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định nên thời hạn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H là nhân viên của Công ty TNHH X theo Hợp đồng lao động số: 07/2019/HĐLĐ ngày 18/01/2019 công việc được giao là công nhân bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng P số 04 của Công ty TNHH X. Vào các ngày 31/7/2023 và 01/8/2023 bị cáo được Cửa hàng trưởng phân công là người phụ trách ca cụ thể: Ca từ 13 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 31/7/2023 và ca từ 05 giờ 30 phút đến 13 giờ ngày 01/8/2023. Theo quy định của công ty thì người phụ trách ca bán hàng có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được trong ca vào Ngân hàng hoặc nộp cho Cửa hàng trưởng hoặc cho ca bán hàng tiếp theo, việc nộp tiền tối thiểu 01 lần/ngày chậm nhất vào 15 giờ và đảm bảo số tiền nộp phải lớn hơn hoặc bằng tổng số tiền thu ca bán buổi sáng (bao gồm tiền bán hàng bằng tiền mặt, tiền thu nợ của khách hàng, tiền thu khác,...) và tiền tồn quỹ của ca trước bàn giao sang. Ngày 31/7/2023, bị cáo được phân công làm phụ trách ca từ 13 giờ đến 21 giờ 30 phút số tiền bán lẻ xăng dầu thu được 116.903.000đ và ca từ 05 giờ 30 phút đến 13 giờ ngày 01/8/2023 với số tiền 180.234.000đ và số tiền 17.000.000đ ca chiều ngày 01/8/2023, tổng cộng là 314.137.000đ. Toàn bộ số tiền thu được từ bán hàng nói trên phải được nộp vào tài khoản của công ty theo quy định. Nhưng

bị cáo đã không thực hiện đúng nhiệm vụ của mình mà lại chiếm đoạt số tiền 194.000.000đ trong tổng số tiền 314.137.000đ trên để tham gia mua bán trên mạng và chi tiêu cá nhân.

[3] Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xét xử. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo được bản án sơ thẩm phân tích, đánh giá và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phạm tội “*Tham ô tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX thấy rằng, khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, bị cáo có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 BLHS 2015 cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt của khoản 2 điều luật đã truy tố, xét xử đối với bị cáo; xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật trong phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ, đã ly hôn, đã cố gắng khắc phục số tiền chiếm đoạt cho bị hại. HĐXX áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo vào phòng ngừa tội phạm chung.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng về phần hình phạt.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- PV 06 - Công an Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- VKSND thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS thành phố Đà Lạt (01);
- Bị cáo (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Hồ sơ THAHS (01)
- Lưu hồ sơ (01); Ấn văn (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hồng